

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 10/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 10/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây viết tắt là *Chương trình hành động số 36-CTr/TU*), Kế hoạch số 152-KH/ĐU ngày 16/8/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU (sau đây viết tắt là *Kế hoạch số 152-KH/ĐU*); xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 951/TTr-SNV ngày 21/8/2026, Công văn số 7981/SNV-LĐVL ngày 08/9/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây viết tắt là *Nghị quyết số 42-NQ/TW*), Chương trình hành động số 36-CTr/TU, Kế hoạch số 152-KH/ĐU nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của chính sách xã hội và việc đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động số 36-CTr/TU, Kế hoạch số 152-KH/ĐU phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, địa phương, đơn vị.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động số 36-CTr/TU, Kế hoạch số 152-KH/ĐU phải nghiêm túc, có trọng tâm, trọng điểm; là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể của từng cấp, từng ngành, phát huy vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền, người lao động để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động số 36-CTr/TU, Kế hoạch số 152-KH/ĐU.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

Thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu tại mục II.2 Chương trình hành động số 36-CTr/TU (có *Phụ lục phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 kèm theo Kế hoạch này*).

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển chính sách xã hội toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xây dựng con người Việt Nam toàn diện; đưa Thái Nguyên vào nhóm các tỉnh có chỉ số phát triển con người (HDI) cao trên toàn quốc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động số 36-CTr/TU, Kế hoạch số 152-KH/ĐU và Kế hoạch này. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện chính sách xã hội; kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép nội dung tuyên truyền về chính sách xã hội vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

2. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Trên cơ sở hệ thống chính sách xã hội của Trung ương, chủ động xây dựng các chính sách xã hội của tỉnh bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tỉnh và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính; kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội; phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách xã hội; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

- Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hóa, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa, nguồn viện trợ, tài trợ nhằm phòng ngừa thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách, chế độ cho đối tượng là người có công với cách mạng và thân nhân của người có công, bảo đảm tất cả người có công và thân nhân của họ được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Quan tâm giải quyết dứt điểm chính sách đối với các trường hợp đề nghị xác nhận là người có công với cách mạng còn vướng mắc, bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; xây dựng, sửa chữa, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ. Phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” để thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người có công với cách mạng.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng bảo đảm quy mô, cơ cấu, phân bố dân số hợp lý; duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên và mức sinh thay thế trên phạm vi toàn tỉnh. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng; xây dựng giải pháp cụ thể trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 17/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030.

- Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp; đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, ưu tiên đào tạo nhân lực cho các ngành, lĩnh vực theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, điện tử - viễn thông, tự động hóa, logistics, công nghiệp hỗ trợ, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời; định kỳ bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục. Đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hóa chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

- Đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các ngành, nghề đào tạo chất lượng cao; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp hỗ trợ và các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn và hội nhập quốc tế. Khuyến khích, thu hút, phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhà giáo và người có năng lực chuyên môn cao; tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030.

- Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng tập thể, ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội. Hiện đại hóa, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm; nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm.

- Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải phóng sức sản xuất, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn; đồng thời thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công và các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, đa tầng, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững, tiến bộ và công bằng. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia và thụ hưởng đầy đủ quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với nông dân, người nghèo, người có thu nhập thấp và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm y tế; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Có giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; thường xuyên đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia và thụ hưởng chính sách.

- Quan tâm đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế - xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm; tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

- *Về giáo dục:* Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 03 đến 05 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu công nghiệp, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hóa góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo. Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thu hút nguồn lực thực hiện xã hội hóa giáo dục, đào tạo.

- *Về y tế:* Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; chăm sóc sức khỏe và quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi, khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân. Thực hiện có hiệu quả các chính sách về dân số, chính sách xã hội, dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình, phát triển đa dạng các hình thức chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, nhất là quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử và thực hiện chính sách bảo hiểm y tế.

- *Về phát triển văn hóa:* Bảo đảm môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa dân tộc, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số. Không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội. Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh.

- *Về thông tin:* Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- *Về nhà ở*: Nêu cao trách nhiệm của chính quyền, hệ thống chính trị trong thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

- *Về nước sạch, vệ sinh môi trường*: Bảo đảm cung cấp nước sạch sinh hoạt đạt quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân, nhất là tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên bảo đảm nguồn nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các công trình thiết yếu. Thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; tập trung xử lý ô nhiễm, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; triển khai đồng bộ các giải pháp thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn và kiểm soát khí thải, từng bước ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường tại khu vực đô thị, nông thôn và miền núi.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu cơ bản và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng. Xây dựng đội ngũ người làm công tác xã hội có phẩm chất đạo đức, kiến thức pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng không có nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới chăm sóc, trợ giúp xã hội tại cộng đồng và các mô hình ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi và trẻ em. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về hợp tác công - tư; khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư, hiện đại hóa và mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường hợp tác song phương, đa phương; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho chính sách xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành hoặc lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch có liên quan; các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, lập dự toán kinh phí, tổng hợp trong dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung cụ thể được giao tại Kế hoạch này và Phụ lục kèm theo, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, chủ động rà soát, lồng ghép nhiệm vụ với chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền ban hành liên quan đến các chính sách xã hội, lao động, việc làm, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

c) Định kỳ hằng năm, trước ngày 30 tháng 11 hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Nội vụ

- Là cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo định kỳ (hoặc đột xuất) tình hình, kết quả thực hiện với UBND tỉnh, Bộ, ban, ngành có liên quan theo quy định.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động, quan hệ lao động, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tham mưu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu. Tăng cường cải cách hành chính, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai, minh bạch quy trình giải quyết, nâng cao trách nhiệm giải trình và chất lượng cung cấp dịch vụ công, tạo thuận lợi cho người dân, người lao động, người sử dụng lao động và các đối tượng chính sách trong tiếp cận, thụ hưởng chính sách xã hội.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện chính sách xã hội và Kế hoạch này theo quy định.

3. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về dân số, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, sức khỏe bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi; quản lý sức khỏe người dân, bệnh không lây nhiễm và bệnh mạn tính; nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, nhất là khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách dân số và phát triển, dinh dưỡng, tiêm chủng mở rộng, vệ sinh, an toàn thực phẩm; nâng cao năng lực dự báo, giám sát, phát hiện và phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; triển khai các giải pháp cơ bản chấm dứt dịch bệnh AIDS, bệnh lao và loại trừ sốt rét. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo và phương thức học tập phù hợp với người học; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 03 đến 05 tuổi, giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; nâng tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi và tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông và tương đương.

- Rà soát, phát triển mạng lưới trường, lớp học, ưu tiên vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu công nghiệp, khu đông dân cư; tăng cường giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục và hoạt động dạy, học; huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nếp sống văn minh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa dân tộc, nhất là văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, địa bàn và nhóm dân cư.

- Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng, ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở, các cụm thông tin điện tử ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hướng dẫn cơ quan báo chí, truyền thông và các địa phương tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách xã hội.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực hiện chính sách xã hội; phát triển hạ tầng số, phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, cung cấp dịch vụ xã hội; phối hợp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ người dân, nhất là trẻ em và các nhóm yếu thế trên môi trường mạng. Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

7. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh; phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp và các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu triển khai các giải pháp cải thiện điều kiện, chất lượng nhà ở và nâng cao chất lượng và diện tích nhà ở bình quân đầu người. Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về cấp nước sạch đô thị; phối hợp xây dựng, phát triển hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và hạ tầng kỹ thuật có liên quan.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ về giảm nghèo bền vững, nước sạch nông thôn và bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; thực hiện các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trong lĩnh vực nông nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản; lồng ghép thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường từ các chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện mục tiêu giảm nghèo và hạn chế tái nghèo, phát sinh nghèo.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm nước sạch nông thôn; thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, trong đó tập trung quản lý nước thải, khí thải, chất thải rắn và kiểm soát ô nhiễm môi trường; phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

9. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

- Phối hợp lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện chính sách xã hội; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, viện trợ, tài trợ và các nguồn hợp pháp khác, phòng ngừa thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

10. Thanh tra tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thanh tra việc thực hiện chính sách xã hội theo thẩm quyền và kế hoạch được phê duyệt; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý hành vi vi phạm, trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí nguồn lực.

11. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì, phối hợp triển khai các chính sách xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tham mưu lồng ghép, huy động nguồn lực thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc, bảo đảm người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tham gia và thụ hưởng các hoạt động văn hóa.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương rà soát, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để cơ bản hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát đối với các hộ đủ điều kiện, có nhu cầu hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

12. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường tuyên truyền, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; phát triển người tham gia, mở rộng diện bao phủ, bảo đảm quyền lợi của người tham gia và thụ hưởng; thực hiện các giải pháp giảm chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm theo quy định. Nâng cao chất lượng phục vụ, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và đẩy mạnh chi trả các chế độ bảo hiểm không dùng tiền mặt.

13. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong khu công nghiệp triển khai chính sách lao động, việc làm, an sinh xã hội, nhà ở xã hội và các thiết chế phục vụ công nhân, người lao động; tuyên truyền, vận động doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động và phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ theo dõi các chỉ tiêu của Kế hoạch.

14. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội, ưu tiên cho vay tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo và hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp theo quy định; phối hợp với các cơ quan, địa phương tuyên truyền, hướng dẫn đối tượng thụ hưởng tiếp cận nguồn vốn, quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả.

15. Thống kê tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, cung cấp số liệu thống kê chính thức đối với các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê; phối hợp theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu về lao động, việc làm, dân số, mức sống, nhà ở và các chỉ tiêu có liên quan phục vụ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch.

16. Công an tỉnh

Phối hợp khai thác, đối soát thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ quản lý, xác định đối tượng và chi trả chính sách xã hội theo quy định; phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi lợi dụng, trục lợi chính sách xã hội theo thẩm quyền.

17. Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm thông tin tỉnh

Tăng cường thông tin, tuyên truyền về Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động số 36-CTr/TU, Kế hoạch số 152-KH/ĐU, Kế hoạch này và kết quả thực hiện chính sách xã hội; kịp thời tuyên truyền, phổ biến các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến, tạo đồng thuận xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

18. Đề nghị Đại học Thái Nguyên

Phối hợp nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; tăng cường gắn kết đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

19. UBND các xã, phường

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về chính sách xã hội; thực hiện rà soát, quản lý đối tượng, xác định nhu cầu và giải quyết hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công, người lao động, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng chính sách khác theo quy định. Phối hợp triển khai các nhiệm vụ về việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, giảm nghèo, trợ giúp xã hội, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, văn hóa và các dịch vụ xã hội cơ bản trên địa bàn. Thực hiện lồng ghép các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu phục vụ thực hiện chính sách xã hội.

20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động số 36-CTr/TU, Kế hoạch số 152-KH/ĐU và Kế hoạch này; thường xuyên lắng nghe, phản ánh tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chính sách xã hội, phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 10/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Đảng ủy UBND tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
 - Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - UBND các xã, phường;
 - Đại học Thái Nguyên;
 - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
 - Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, NC, KGVX.
- Hattt/KH21

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Lượng

Phụ lục
PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú	Sở Nội vụ	Sở Tài chính; Sở Y tế; UBND các xã, phường
2	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3%	Sở Nội vụ	Thống kê tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND các xã, phường
3	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực nông thôn dưới 2,3%	Sở Nội vụ	Thống kê tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 38% trở lên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Thống kê tỉnh; Đại học Thái Nguyên; các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; UBND các xã, phường
5	Phần đầu đạt khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; đạt 508.294 người tham gia bảo hiểm xã hội	Sở Nội vụ	Bảo hiểm xã hội tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6	Khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	Sở Nội vụ	Sở Y tế; Bảo hiểm xã hội tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan
7	100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường
8	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm trên 1,5 điểm phần trăm/năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Y tế; Sở Tài chính; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; UBND các xã, phường
9	Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 03 đến 05 tuổi; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,6%; hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; duy trì 100% xã, phường đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan
10	Tuổi thọ trung bình của người dân đạt từ 75,5 tuổi trở lên, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt từ 0,8 trở lên; có từ 50 giường bệnh viện, 19 bác sĩ, 4 dược sĩ, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt trên 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi không quá 13,6%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét	Sở Y tế	Bảo hiểm xã hội tỉnh; Thống kê tỉnh; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
11	Xây dựng được 60.000 căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt khoảng 30m ² sàn/người; 100% hộ gia đình ở thành thị được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường
12	Cơ bản hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát đối với các hộ đủ điều kiện và có nhu cầu hỗ trợ trên địa bàn tỉnh	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Ủy ban MTTQ tỉnh; Sở Tài chính; UBND các xã, phường
13	80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Y tế; UBND các xã, phường
14	100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Sở Y tế chủ trì đối với hộ gia đình, trạm y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì đối với trường học	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường
15	25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; UBND các xã, phường
16	Có ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; UBND các xã, phường